

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 60/2020/HS – ST
Ngày 08 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Q, bà Nguyễn Thị Thu H.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn D - Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2020/TLST- HS ngày 16/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Nguyễn Đức T, sinh năm: 1972 tại xã N, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn Đại Áng, xã N, huyện H, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nam. Trình độ văn hóa: Lớp 07/10. Con ông: Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân:

- Tại bản án số 40/2011/HSST ngày 23/11/2011, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 30/8/2012, T chấp hành xong bản án.

- Tại Quyết định số 01 ngày 15/12/2015, Công an phường V, thành phố N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 18/12/2015, T chấp hành xong quyết định.

- Tại Quyết định số 42 ngày 10/12/2016 Công an phường Vân Giang, thành phố N xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 14/12/2016, T chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/10/2020, chuyển tạm giam ngày 08/10/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2000. Có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh N

Người làm chứng: Các anh Nguyễn Mạnh H, Hoàng Anh T. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là người sử dụng ma túy từ năm 2015. Quá trình sử dụng ma túy T thường mua ma túy của một người đàn ông tên M (Không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đứng ở khu vực cầu Bến Nhảy thuộc địa phận xã S, huyện N, tỉnh N. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 06/10/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T điều khiển xe đạp điện đi từ nhà đến khu vực cầu Bến Nhảy thuộc địa phận xã S, huyện N để tìm mua ma túy về sử dụng. Khoảng 08 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực gần đầu cầu Bến Nhảy, T gặp người đàn ông tên M đang ngồi trên xe mô tô (Không rõ hãng xe và biển kiểm soát) tại lề đường bên pH đường trục xã S (hướng xã Gia Sinh đi xã S) cách cầu Bến Nhảy khoảng 100 mét. T nói “*Để tao một gói*” - ý hỏi mua heroine, đồng thời dùng tay pH lấy từ bên trong túi quần phía sau bên pH mà mình đang mặc ra số tiền 200.000 đồng đưa cho M. M cầm tiền và đưa lại cho T 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng bên trong có ma túy. Tuy không mở ra kiểm tra nhưng xác định bên trong gói nhỏ đựng heroine, nên T cất giấu gói nhỏ vào bên trong túi áo ngực bên trái phía trước mà mình đang mặc, rồi điều khiển xe đi về. Khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, khi T đi đến khu vực đường trục thuộc xóm 6, xã G, huyện G thì gặp Tổ công tác Công an xã Gia Sinh đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, nên T đã tự nguyện lấy gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, bên trong đựng chất bột dạng cục màu trắng ở túi áo ngực phía trước bên trái mà mình đang mặc giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận số ma túy trên T mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản thu giữ của T 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, bên trong đựng chất bột dạng cục màu trắng. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 xe đạp điện màu sơn đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu xám và số tiền 200.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã niêm phong vật chứng là chất bột dạng cục màu trắng trong gói nhỏ gói ngoài bằng giấy màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T, lấy mẫu ký hiệu là M gửi đi giám định khối lượng và chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 265/KLGD-PC09-MT ngày 07/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận:

- Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2205 gam, là ma túy, loại heroine.

- Heroine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục I, số thứ tự 9; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển số tiền 200.000 đồng tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện G; Chuyển 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu xám, đã qua sử dụng, 01 phong bì ghi số 265/KLGD-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định bên trong đựng vật chứng, gồm: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,1063 gam là ma túy, loại Heroine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong. 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng, gồm: 01 mảnh giấy màu trắng,

01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng của vụ án đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 chiếc xe đạp điện màu sơn đỏ, đen đã qua sử dụng

Quá trình điều tra, bị cáo T đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 67/CT-VKS-GV ngày 16/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1, 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự(BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/10/2020; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ghi số 265/KLGD-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định bên trong đựng vật chứng, gồm: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,1063 gam là ma túy, loại Heroine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong. 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng, gồm: 01 mảnh giấy màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu xám, đã qua sử dụng và số tiền 200.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận gì

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Do mắc nghiện ma túy từ năm 2015, để có ma túy đáp ứng nhu cầu của bản thân nên khoảng 07 giờ 00 phút ngày 06/10/2020, T điều khiển xe đạp điện đi từ nhà đến khu vực cầu Bến Nhảy thuộc địa phận xã S, huyện

N để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, bị cáo đã mua được của một người đàn ông tên M (Không rõ tên, tuổi, địa chỉ) 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng với giá là 200.000 đồng. Tuy không mở ra kiểm tra nhưng bị cáo xác định bên trong gói nhỏ đựng heroine, nên T cất giấu gói nhỏ vào bên trong túi áo ngực bên trái phía trước mà mình đang mặc, rồi điều khiển xe đi về. Khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, khi T đi đến khu vực đường trục thuộc xóm 6, xã Gia Sinh, huyện G thì gặp Tổ công tác Công an xã Gia Sinh đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, nên T đã tự nguyện lấy gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, bên trong đựng chất bột dạng cục màu trắng ở túi áo ngực phía trước bên trái mà mình đang mặc giao nộp cho Tổ công tác và khai nhận số ma túy trên T mua về để sử dụng cho bản thân. Rõ ràng bị cáo T đã có hành vi cất dấu 0,2205 gam ma túy, loại Heroine đúng như kết luận giám định, Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên nhằm để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với kết luận giám định, với lời khai của người làm chứng, với biên bản vụ việc, vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và khối lượng Heroine mà bị cáo tàng trữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... ..

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

... ..

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy dẫn đến phạm tội. Ma túy là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma túy mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma túy một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, mặt khác ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là người có nhân thân xấu.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình thể hiện khi thấy lực lượng Công an làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra, bị

cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy mà bị cáo cất dấu và khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo có nhân thân xấu nên cần có một hình phạt thật nghiêm M đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương đối dài mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo là con nghiện, việc tàng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì ghi số 265/KLGD-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định bên trong đựng vật chứng, gồm: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,1063 gam là ma túy, loại Heroine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong. 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng, gồm: 01 mảnh giấy màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu xám, đã qua sử dụng và số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục quản lý số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Đối với người người đàn ông đã bán ma túy cho T ngày 06/10/2020 (*theo lời khai của T*) ở khu vực cầu Bến Nhảy thuộc xã S, huyện N, tỉnh N. Bị cáo T khai chỉ biết tên là M ngoài ra T không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ của người này. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không có căn cứ để xác M, làm rõ nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với 01 chiếc xe đạp điện màu sơn đỏ, đen đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2000 (là con gái của T), việc T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi mua ma túy chị H không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại chiếc xe đạp điện trên cho chị H, là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo pH nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự : Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/10/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ghi số 265/KLGD-PC09-MT do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định bên trong đựng vật chứng, gồm: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,1063 gam là ma túy, loại Heroine; Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong. 01 phong bì

niêm phong theo quy định pháp luật đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng, gồm: 01 mảnh giấy màu trắng, 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu xám, đã qua sử dụng và số tiền 200.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án. (Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - VKSND huyện G;
 - Trại tạm giam CA tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HỮU Q